

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Cad trong kỹ thuật điện (228231) - Nhóm 03**

CBGD: **Nguyễn Thị Hạnh (280025)**

Số SV có mặt: 39.....

Số bài thi: 39.....

Số tờ giấy thi: 39.....

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
<i>Hà</i> <i>Ng. Thị Hạnh</i>	<i>Th</i> <i>N. V. Phức</i>	<i>Hà</i> <i>Ng. Thị Hạnh</i>	<i>Th</i> <i>N. V. Phức</i>

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2120050107	ĐÀO VĂN CÔNG	22/04/2001	CCQ2005D			<i>Công</i>	7.0	7.5	7.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2120050106	NGUYỄN LÊ THÀNH THÔNG	06/04/2002	CCQ2005D			<i>Thông</i>	7.5	8.0	7.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2120050098	TRẦN QUỐC CƯỜNG	05/03/2002	CCQ2005C							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2120050099	MAI HỒNG DÀNG	05/11/2002	CCQ2005C			<i>Dâng</i>	7.0	7.0	7.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2120050108	NGUYỄN TRÚC DUY	05/07/2002	CCQ2005D			<i>Duy</i>	8.0	8.0	8.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2120050071	LÊ VIỆT ĐĂNG	17/01/2002	CCQ2005C			<i>Đặng</i>	7.5	7.5	7.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2120050100	ĐOÀN ĐỨC HẢO	08/06/2002	CCQ2005C			<i>Hảo</i>	7.5	8.0	7.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2120050110	PHẠM CÔNG HẬU	30/08/2002	CCQ2005D			<i>Hậu</i>	7.5	7.0	7.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2120050136	NGÔ NGUYỄN HOÀNG HIỆP	28/01/2002	CCQ2005D			<i>Hiệp</i>	8.0	7.5	7.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2120050112	NGUYỄN THANH HOÀNG	03/12/2002	CCQ2005D			<i>Hoàng</i>	7.5	8.0	7.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2120050137	NGUYỄN HOÀNG HUY	10/07/2002	CCQ2005D			<i>Huy</i>	7.0	8.0	7.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2120050113	TẠ NGỌC HUY	10/07/2002	CCQ2005D			<i>Huy</i>	7.5	7.5	7.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2120050075	LÊ VĂN HUỖNH	25/01/2002	CCQ2005C			<i>Huỳnh</i>	7.0	8.0	7.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2120050115	TRƯƠNG DUY KHÁNH	13/06/2002	CCQ2005D			<i>Khánh</i>	7.0	7.5	7.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2120050117	NGUYỄN TUẤN ANH KHOA	19/09/2001	CCQ2005D			<i>Khoa</i>	7.0	6.0	6.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	2120050076	LÊ TIỀN KHÔI	13/08/2002	CCQ2005C			<i>Khôi</i>	7.5	7.0	7.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	2120050101	NGUYỄN HỮU LUÂN	09/12/2002	CCQ2005C			<i>Luân</i>	7.0	7.0	7.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	2120050102	NGUYỄN LUẬT	12/06/2002	CCQ2005C			<i>Luật</i>	7.5	7.0	7.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	2120050079	THIÊN SANH LỰC	16/02/2000	CCQ2005C			<i>Sanh</i>	7.5	7.0	7.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	2120050078	PHÚ VĂN LƯƠNG	11/03/2001	CCQ2005C			<i>Lương</i>	7.5	7.0	7.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Cad trong kỹ thuật điện (228231) - Nhóm 03**

CBGD: **Nguyễn Thị Hạnh (280025)**

Số SV có mặt: 39

Số bài thi: 39

Số tờ giấy thi: 39

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
<i>Hà</i> Ng. Thị Hạnh	<i>Th</i> N. V. Phấn	<i>Hà</i> Ng. Thị Hạnh	<i>Th</i> N. V. Phấn

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H. Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ. QT 40%	Đ. THI 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2120050080	PHẠM CÔNG LÝ	06/06/2002	CCQ2005C			<i>Sy</i>	8.0	7.0	7.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	2120050081	LƯƠNG TRÍ MINH	06/10/2000	CCQ2005C			<i>ml</i>	7.5	7.0	7.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	2120050119	NGUYỄN PHÚC NHÂN	09/06/2001	CCQ2005D			<i>nhon</i>	7.5	7.0	7.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	2120050084	LÊ VĂN NHẤT	01/01/2002	CCQ2005C			<i>Nhuy</i>	7.5	6.5	7.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	2120050104	TRƯƠNG THANH PHƯƠNG	04/05/2002	CCQ2005C			<i>Th</i>	7.5	8.0	7.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	2120050087	TRẦN NHẤT TÂM	21/05/2001	CCQ2005C			<i>Tam</i>	7.0	6.5	6.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	2120050122	DANH THIÊN THANH	06/03/2002	CCQ2005D			<i>Th</i>	7.5	6.0	6.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	2120050088	NGUYỄN CÔNG THANH	06/11/2002	CCQ2005C			<i>Thanh</i>	7.5	7.5	7.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	2120050123	NGUYỄN NGỌC THIÊN	31/07/2002	CCQ2005D			<i>Th</i>	7.0	6.5	6.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	2120050138	VI PHÚ THỊNH	30/11/2002	CCQ2005D			<i>Thinh</i>	8.0	7.0	7.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	2120060052	NGUYỄN VĂN THÔNG	16/07/2001	CCQ2005C			<i>Th</i>	7.5	8.0	7.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	2120050091	NGUYỄN NHẬT TIẾN	24/02/2002	CCQ2005C			<i>Tien</i>	7.5	8.0	7.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	2120050092	TRẦN QUỐC TOÀN	23/06/2001	CCQ2005C			<i>Toan</i>	7.5	8.0	7.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	2120120515	NGUYỄN QUỐC TRUNG	30/08/2002	CCQ2005C							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	2120050124	LÊ VŨ TRƯỜNG	17/11/2002	CCQ2005D			<i>Truong</i>	7.0	7.0	7.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	2120050139	ĐỖ QUỐC TRƯƠNG	30/07/2002	CCQ2005D			<i>Th</i>	7.5	7.0	7.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
37	2120050105	NGUYỄN HOÀNG ANH TÚ	14/12/2002	CCQ2005C							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	2120050095	PHAN NGỌC TÚ	12/03/2002	CCQ2005C			<i>Tu</i>	8.0	7.5	7.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	2120050125	NGUYỄN ĐỨC TUẤN	04/09/2002	CCQ2005D			<i>Tuan</i>	8.0	7.5	7.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	2120050140	PHẠM VĂN VÀNG	27/04/2002	CCQ2005D			<i>Vang</i>	7.0	7.0	7.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Cad trong kỹ thuật điện (228231) - Nhóm 03**

CBGD: **Nguyễn Thị Hạnh (280025)**

Số SV có mặt:³⁹.....

Số bài thi:³⁹.....

Số tờ giấy thi:³⁹.....

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
<i>Hau</i> <i>Ng Thị Hạnh</i>	<i>Th</i> <i>Như</i>	<i>Hau</i> <i>Ng Thị Hạnh</i>	<i>Th</i> <i>Như</i>

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
41	2120050126	PHAN THANH VINH	03/04/2002	CCQ2005D			<i>Vinh</i>	80	715	77	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(8) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	2120050096	ĐẠT ĐẠI HOÀNG VŨ	17/07/2002	CCQ2005C			<i>Đạt</i>	70	60	64	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(8) 1 2 3 4 5 6 7 8 9